TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 4- 2021
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 579/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về hôn nhân và gia đình: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị T, sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn K, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh L.

Địa chỉ hiện nay: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15/12/2020, bản tự khai ngày 25/01/2021 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K cưới và chung sống năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố H. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K đã chung sống như vợ chồng và có con với người phụ nữ khác. Chị đã làm đơn xin ly hôn 01 lần tại Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nhưng vì con chung, muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên chị đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020 nhưng cả hai vẫn không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Chị và anh K vẫn còn sống chung nhà nhưng cả hai đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 đến nay, không có quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình chung sống chị và anh K có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Sỹ N, sinh ngày: 24/3/2013, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

* Anh Nguyễn Văn K các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm trong việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự còn chậm chưa đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự cần rút kinh nghiệm thực hiện tốt trong thời gian tới. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn K các lần hòa giải, xét xử đều vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh K là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T. Con chung: Để chị T được nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt và nhận hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh K vẫn vắng mặt, anh K vẫn còn sinh sống tại địa phương. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn K cưới và chung sống năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố M, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T khai vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K đã chung sống như vợ chồng và có con với người phụ nữ khác. Cả hai ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không có quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống. Chị T đã có làm đơn xin ly hôn 01 lần tại Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nhưng vì con chung, muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên chị đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020 nhưng đến nay cả hai vẫn không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Anh K cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ anh K không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị T, hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh K. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Võ Thị T khai, chị và anh Nguyễn Văn K chung sống có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Sỹ N , sinh ngày: 24/3/2013, con chung hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Các lần mời giải quyết vụ án tại Tòa án và xét xử sơ thẩm, anh K đều vắng mặt, không có ý kiến phản hồi về việc nuôi dưỡng con chung. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng con chung Nguyễn Sỹ N trên 07 tuổi và hoàn toàn có căn cứ theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị T phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 233, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Võ Thị T.

2. Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

3.Về con chung:

Chị Võ Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Sỹ N, sinh ngày: 24/3/2013. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của chị T và anh K chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh K không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay chị Võ Thị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002277 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã L;
- UBND phường H, quận T, TPHCM (Số 262/2003, quyển số 02)
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương